

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VÀ NGUYỄN LỘ TRẠCH

Hai nhà chủ trương cải cách số một của Việt Nam vào hậu bán thế kỷ 19

Nguyễn Lý-Tường

Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch là những kẻ sĩ, những trí thức trong xã hội Việt Nam thời đó. Trong hoàn cảnh dưới triều vua Tự Đức đã chủ trương bách hại người theo đạo Công Giáo, Nguyễn Trường Tộ đứng trong cái thế của người bị áp bức, bị nghi ngờ là theo giặc Pháp...mà vẫn can đảm gởi lên vua Tự Đức hết bản điều trần này đến bản điều trần khác, tổng cộng đến 58 bản điều trần. Đó là những đề nghị cải cách để làm cho dân giàu nước mạnh hầu có thể bảo vệ được giang sơn, giữ được độc lập. Nguyễn Trường Tộ là một Kitô hữu dĩ trách nhiệm với quê hương đất nước của mình trong giai đoạn “tổ quốc lâm nguy”. Nguyễn Lộ Trạch là một kẻ sĩ yêu nước, không màng danh lợi, không chuộng khoa bảng, ơng là người học rộng tài cao, chủ trương cải cách. Mặc dù không được người đời biết đến nhiều như Nguyễn Trường Tộ, nhưng những nhận định của ơng về tình hình Việt Nam lúc dĩ và những chủ trương cải cách của ơng đã được người đời sau đánh giá là rất sáng suốt và thức thời. Vì thế chúng tôi gọi hai ông là “những nhà chủ trương cải cách số một của Việt Nam vào hậu bán thế kỷ 19, là kẻ sĩ dẫn thân”.

Kẻ Sĩ ở trong xã hội Á Đông chịu ảnh hưởng văn minh, văn hóa của Trung Quốc xưa, là người trí thức, người Nho sĩ, người đóng vai trò lãnh đạo, là thành phần được xếp vào hàng thứ nhất, đứng đầu trong bốn hạng dân: Sĩ, Nông, Công, Thương.

Nguyễn Trường Tộ chịu ảnh hưởng của hai nền văn hóa Đông-Tây: Khổng học và Kitô giáo. Ông vừa mang trách nhiệm của một người Kitô hữu phải thực hiện “công bình” và “bác ái” đối với mọi người trong xã hội; vừa mang trách nhiệm của một kẻ Sĩ (hay Nho sĩ) đối với tổ quốc và dân tộc của mình theo tinh thần “trung quân, ái quốc” của nhà Nho.

1.- Cuộc Sống Dẫn Thân Của Nguyễn Trường Tộ

Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1830 dưới thời vua Minh Mạng, gia đình theo đạo Công Giáo từ nhiều đời, quê quán tại làng Bùi Chu (nay thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An) và qua đời ngày 22 tháng 11 năm 1871 tại Xã Đoài (nay thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An).

Về năm sinh của ông, các tác giả như Lê Thuộc...(viết về Nguyễn Trường Tộ trên báo Nam Phong) cho rằng ông sinh năm 1828. Theo Phạm Văn Sơn (trong Việt Sử Tân Biên) thì ông sinh năm 1827 và theo tài liệu của Nguyễn Trường Cửu (con cháu Nguyễn Trường Tộ) thì ông mất năm 1871, lúc đó ông được 41 tuổi, nghĩa là sinh năm 1830.

Từ nhỏ ông rất thông minh, học đâu nhớ đó. Ông học chữ Hán với thân phụ là Nguyễn Quốc Thư (làm nghề Đông y sĩ) sau đến học với những nhà Nho nổi tiếng như cụ Tú Tài Giai, cụ Cống Hữu và quan huyện Địa Linh về hưu...Những vị này đều là người đồng hương, ở cùng một huyện. Trình độ Hán học của ông qua các bài điều trần chứng tỏ ông là một người có trình độ ngang với các vị khoa bảng thời đó. Nhưng vì ông là người

Công Giáo, thời đó vua cấm Đạo, không cho người theo Đạo đi thi, nên ông không đỗ đạt gì.

Nổi tiếng hay chữ trong số những người Công Giáo thời đó, nên ông được Giám Mục Gauthier (Ngô Gia Hậu) ở Vinh mời dạy Hán văn cho các tu sĩ trong Chủng viện và cũng được Giám Mục dạy cho học tiếng Pháp. Là một người cầu tiến, ông đã chăm chú học Pháp văn, La-tinh...Chẳng bao lâu ông đã thành công, đọc được nhiều sách vở Tây Phương và nghiên cứu đủ mọi vấn đề như khoa học, triết học, lịch sử, địa lý, luật pháp, chính trị, văn hóa...nói tóm lại về các kiến thức văn hóa Tây Phương và cả tình hình chính trị thế giới thời đó, ông đều am hiểu...Ông đã được Giám Mục Gauthier tạo điều kiện cho đi ra nước ngoài để học hỏi. Ông đã đi qua các nơi như Hong kong, Singapore, Mã Lai (Poulo Penang), Pháp, Ý...Trong dịp yết kiến Đức Giáo Hoàng Pío thứ IX tại Roma (khoảng 1859-1861), ông được Đức Giáo Hoàng tặng cho 100 pho sách về tân học.

Có lẽ vị lãnh đạo Công Giáo thế giới đã thấy được Nguyễn Trường Tộ là người thông minh, có lòng muốn giúp dân, giúp nước, muốn mở mang kiến thức nên đã giúp ông một số sách quý giá như vậy. Chúng ta nên nhớ rằng trong thời kỳ Nhật Bản duy tân (1868 dưới thời Minh Trị Thiên Hoàng) thì họ đã tìm đủ mọi cách để mang về nước những sách vở của Tây Phương. Họ đã cho người đi sang các nước Âu Mỹ tìm đường du học, khi về vì không được mang sách vở theo, nên họ đã tự tay chép lại những điều đã học để truyền lại cho người trong nước. Cũng có người hy sinh mổ bụng giấu sách vào đó để mang về cho khỏi bị kiểm soát (có thể là một huyền thoại!) Nhưng nói chung là việc mang sách vở từ ngoại quốc về nước để nghiên cứu là một điều rất khó khăn. Với số sách dồi dào mà Đức Giáo Hoàng tặng cho Nguyễn Trường Tộ, quả thực Người rất có thiện chí muốn giúp Việt Nam mở mang kiến thức thời đó.

Nguyễn Trường Tộ đã mang một hoài bão đem những điều hiểu biết của mình để xây dựng đất nước. Ông không hề mang mặc cảm mình là người theo đạo Công Giáo, một tôn giáo đang bị kỳ thị, bị đàn áp, bị bách hại tại quê hương đất nước của mình. Nhưng ông đã mạnh dạn tìm đủ mọi cách để trình bày lên nhà vua những tư tưởng cải cách của mình. Điều đó chứng tỏ ông có một lòng yêu nước thiết tha, bất chấp mọi trở ngại, quyết dâng thân cho dân tộc, cho quê hương, cho đồng bào của mình. Ông chỉ mong cho nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam được tiến bộ, được hùng cường, đủ sức bảo vệ độc lập.

Ông đã tìm cách làm quen với quan Phụ Chính Trần Tiễn Thành để qua đường dây này, ông gửi những đề nghị cải cách lên vua Tự Đức. Tại sao ông lại đến với gia đình quan Phụ Chính họ Trần?

Trước hết vì Trần Tiễn Thành là người cao niên nhất trong triều đình vua Tự Đức, đã phục vụ trải qua 3 triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, được vua tin nhiệm và cho giữ chức vụ quan trọng nhất trong triều đình. Ngoài ra Trần Tiễn Thành cũng được tiếng là người cởi mở, có thể tiếp thu những tư tưởng tiến bộ và ông không phải là người có đầu óc kỳ thị tôn giáo, địa phương, bài xích Tây học. Chính vì những lý do đó mà Nguyễn Trường Tộ đã tìm đến với một người trong gia đình này. Ông biết Trần Tiễn Thành có ảnh hưởng đối với vua Tự Đức nên đã tích cực vận động với họ Trần để những bản đề nghị của ông được vua Tự Đức quan tâm cứu xét.

(Phần bổ túc của BS Trần Tiễn Sum: *Theo gia phả họ Trần do Ông Đào Duy Anh công bố (BAVH, 4-6/1964) Ông Nguyễn Trường Tộ rời Xã Đoài năm 1859 để tránh đàn áp sau khi Pháp bắn phá Đà Nẵng 1858. Lần đầu tiên cũ thể gặp mặt nhưng chưa quen biết giữa hai ông Nguyễn Trường Tộ và Trần Tiễn Thành vào năm 1859 khi ông Tộ làm tòng dịch viên (từ hàn) cho phái đồn ngoại giao Pháp ra Huế giao công hàm giảng hạ*

sau khi Pháp chiếm Sài Gòn lần thứ nhất 1859. (Ông Tô dĩ thể đã nhận làm thông dịch cho Pháp từ Sài Gòn hay từ Xã Đoài). Lúc này ông Tô được Giám Mục gửi sang Hongkong Singapore, rồi dĩ thể một mình đi Pháp, theo sách NTT của LM Trương Bá Cần.

Sau đó, vào năm 1861, ông Nguyễn Trường Tô về nước, giữa lúc thực dân Pháp đang lần lượt chiếm lục tỉnh Nam Kỳ, ông làm chức từ hàn cho Pháp. Ông khẳng định nhằm giúp đỡ triều đình trong các cuộc nghị hòa. Ông gửi bản văn đầu tiên cho Nguyễn Bá Nghi, Khâm sai Đại thần tại Sài Gòn đề nghị ký kết hòa ước.

Năm 1862, Đốc Louis-Adolphe Bonard mở cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, ông xin thôi, không làm việc cho đồn quan viên chính phủ Pháp nữa. Tháng 6/1862, ông gặp Phan Thanh Giản tại Sài Gòn khi ký hòa ước. Do lời chỉ dẫn của ông Giản mà tháng 3/1863 ông Tô gửi 4 bản văn cho ông Trần Tiễn Thành: Trần tình từ, Thiên hạ đại thế luận, Tế cấp luận và Giáo môn luận.

Đến 1864, ông Nguyễn Trường Tô gửi tiếp thư cho ông Trần Tiễn Thành xin tình nguyện được đi sang nước Anh để nói rộng việc bang giao, nhân dịp ông được một cơ quan khảo cứu khoa học ở nước đó mời sang. Lúc đó, ông Trần Tiễn Thành mới trình tất cả thư từ của ông Nguyễn Trường Tô lên vua Tự Đức. Vua ra lệnh cho ông Trần Tiễn Thành điều tra hành tung của ông Tô và mời ông Tô vào triều yết kiến. Nhưng rồi vì triều đình không cho ông Tô xuất ngoại, ông Tô tiếp tục gửi thêm 3 bức thư cho ông Trần Tiễn Thành, và 2 bức cho ông Phạm Phú Thứ, bàn về việc mua khí giới, gửi du học sinh, phát triển kinh tế, và bang giao với các đại cường quốc. Sau khi ông Trần Tiễn Thành trình tất cả thư từ của ông Nguyễn Trường Tô lên vua, kể cả thư gửi cho hai ông Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, vua liền sai ông Trần Tiễn Thành cứu xét xem dĩ thể nhờ bên giới Kitô giáo giúp đỡ, mà không nguy hại cho chế độ không, và tại sao đã mời mà ông Tô không đến?

Được ông Trần Tiễn Thành mời lần thứ nhì, tháng 2/1866, ông Nguyễn Trường Tô vào Huế và được tiếp đãi hết sức nồng hậu, mời đến nhà riêng nhiều lần và cho ở lại trong khuôn viên bộ Binh. Đồng thời ông Thành cũng nhờ Linh Mục Croc, một cộng tác viên của Đức Giám Mục Gauthier, và Linh Mục Việt Nam là Nguyễn Hoằng cùng với ông Tô, lo giúp việc mua một chiếc xà lúp chạy bằng hơi nước).

Món quà của ông Nguyễn Trường Tô gửi tặng công tử của quan Phụ Chính Trần Tiễn Thành: LM Trương Bá Cần trong “Nguyễn Trường Tô: con người và di cảo” tr. 33-35... dĩ thể dẫn đến sự liên lạc thân tình giữa ông Nguyễn Trường Tô và ông Trần Tiễn Thành. LM Trương Bá Cần dĩ nhắc đến “món quà ra mắt”... Nhưng trong thư 2/1865 gửi ông Trần Tiễn Thành, Nguyễn Trường Tô dĩ kèm theo hộp gỗ đựng thuốc hút làm quà gửi tặng cho công tử và dĩ xin ông Thành cấp cho 5 “đồng cân” quế Quy để chữa bệnh tê thấp.

Công tử là ai? Vào năm 1865, ông Trần Tiễn Thành mới dĩ 2 người con trai: Trần Tiễn Dần, sinh 1850 lúc dĩ 16 tuổi và Trần Tiễn Huân, sinh 1857 về sau thêm Trần Tiễn Hối, sinh 1869. Như vậy ông Tô muốn ám chỉ Trần Tiễn Dần lúc dĩ mới 16 tuổi được cưng và ở nhà không đi học chỉ lo việc quản lý gia đình cúng bái thờ tự mồ mã để thay thế ông Thành (trưởng tộc) vì bận việc quan.

Từ năm 1863, khi còn ở Sài Gòn, ông đã chuẩn bị sẵn 03 bản văn quan trọng là:

-Tế Cấp Luận

-Giáo Môn Luận

-Thiên Hạ Phân Hợp Đại Thế Luận.

Đó là những tư tưởng căn bản về cải cách của Nguyễn Trường Tộ...Những đề nghị sau đó, chỉ là chi tiết hóa các điểm căn bản trong 03 bài này. Từ đầu năm 1861 đến đầu năm 1866, Nguyễn Trường Tộ đã gởi cho triều đình Huế tất cả 11 văn bản. Nhưng văn bản gởi đi mà không được trả lời. Nguyễn Trường Tộ đã chờ đợi nơi vua Tự Đức với tất cả lòng thành của mình.

Từ năm 1866 đến 1868, Nguyễn Trường Tộ được mời về Huế. Ông được vua Tự Đức chú ý đến. Các đề nghị của ông đã tới tay vua và vua đã đọc qua. Vua có đem việc đó hỏi ý kiến các quan. Nhưng đa số cầu an, thủ cựu, không muốn nhọc thân nhọc xác nên đã bàn ra nói vào, chẳng có ai muốn cải cách. Vua Tự Đức ở giữa một triều đình như thế thì làm sao mạnh dạn cải cách được? Dù sao thì cũng là dịp để cho mọi người biết đến tên tuổi và khả năng của Nguyễn Trường Tộ.

Trên một bản đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ, vua Tự Đức có hạ bút phê rằng:”Nguyễn Trường Tộ có thể dùng được. Hay là cho quan chức để lấy lòng và dùng sau?” Trần Tiễn Thành đã thông báo cho Nguyễn Trường Tộ biết ý của vua. Nhưng Nguyễn Trường Tộ chỉ muốn Cải Cách chứ không cầu danh vọng cho cá nhân mình, ông Không Muốn Quan Chức. Do đó mà sau một thời gian chờ đợi tại Huế, không thấy vua xúc tiến việc cải cách, Nguyễn Trường Tộ đã lấy lý do bệnh hoạn mà xin trở về quê để lo việc chữa bệnh!

Trong thời gian ở Sài Gòn, Nguyễn Trường Tộ đã có dịp đem kiến thức của mình ra thi thố. Ông đã vẽ kiểu và đích thân chỉ huy xây cất ngôi nhà đồ sộ cho Tu viện Saint Paul ở Sài Gòn. Đây là một ngôi nhà được xây theo kiểu Tây phương, hiện đại...di tích hiện còn cho đến bây giờ. Trong chiến tranh Mỹ-Nhật (1944-1945), ngôi nhà đó bị trúng bom, hư hại một phần. Về Nghệ An, ông được Tổng Đốc xứ Nghệ là Hoàng Kế Viêm mời ra chỉ huy đào Kênh Sắt. Từ thời xưa đã có nhiều người nghiên cứu đào kênh này nhưng không đào được. Ông Nguyễn Trường Tộ đã nghiên cứu địa chất vùng này và kết luận rằng có một khúc sông có nhiều đá lớn, không có mìn để phá vỡ như bên Tây, vì thế ông chủ trương phải tránh khúc sông đó và sẽ đào theo đường khác. Kênh Sắt còn gọi là Kênh Gai nổi Cửa Lò (sông Gấm) với sông Vinh, một phụ lưu của sông Lam. Công tác hoàn thành, Nguyễn Trường Tộ có làm một bài văn nói về việc đào cảng đó. Sở dĩ gọi là Kênh Sắt vì lòng sông toàn đá, cứng như sắt không thể đào được.

Ngày 17 tháng 8 năm 1866, Nguyễn Trường Tộ và Giám Mục Gauthier được vua Tự Đức mời vào Huế để đi Pháp thuê mướn thợ máy và mua sắm thiết bị đem về nước cho người Việt Nam học máy...Vua Tự Đức sau khi đọc lại các bản điều trần cũ và những bản mới của Nguyễn Trường Tộ từ Nghệ An gởi vào, nghe ra cũng hợp tình hợp lý, nên ra lệnh tìm Nguyễn Trường Tộ. Nhưng ông không còn ở Huế nữa mà đã về Nghệ An rồi. Vì thế, vua giận mình đã không lưu giữ Nguyễn Trường Tộ ở lại kinh đô. Trần Tiễn Thành cũng bị vua trách. Vua than là đã để cho Nguyễn Trường Tộ nghi ngờ mà bỏ về quê...

Lần này Nguyễn Trường Tộ và Giám Mục đi Pháp do lệnh của vua, ông được cơ hội học hỏi thêm, tìm hiểu thêm tình hình. Vua Tự Đức muốn nhờ Giám Mục giúp vận động với Pháp để chuộc lại 03 tỉnh đã nhường cho Pháp. Nhưng Nguyễn Trường Tộ trả lời việc đó Giám Mục không thể làm được. Ông cũng khuyên vua đừng để lộ cho Giám Mục biết lập trường của Việt Nam. Ông đề nghị để ông và Nguyễn Hoảng (Linh Mục Việt Nam) sắp đặt kế hoạch cùng làm việc đó. Một số đề nghị của Nguyễn Trường Tộ đã được vua nghe theo. Ông chủ trương phải cải tổ học thuật, cho nhân dân học những điều thực

dụng trước. Nhân vụ Hồng Bảo, anh vua Tự Đức tổ chức đảo chính bất thành, ông khuyên vua nên hòa hoãn với Pháp một cách khôn khéo để tránh họa thù trong giặc ngoài.

Trong thời gian chờ tàu đi Pháp, trước ngày 10 tháng 01, 1867, ông gởi cho vua 06 bản đề nghị cải cách. Sau một thời gian ở Pháp, Nguyễn Trường Tộ trở về Việt Nam và đã đến Huế ngày 29-02-1868. Ông đã đưa ra dự án mở trường dạy nghề và đề nghị một số người phụ trách các trường đó.

Sau khi đi Pháp về, Nguyễn Trường Tộ đã gởi cho triều đình thêm 09 văn bản đề nghị cải cách nữa. Nhưng tất cả những đề nghị cải cách cũng như việc mở trường dạy nghề đều bị bỏ dở vì tình hình chiến tranh giữa Pháp và Việt càng ngày càng thêm trầm trọng. Ông trở về quê, đem tâm huyết viết thêm 03 bản đề nghị gởi lên vua, trong đó có kế hoạch tổ chức đánh Pháp. Vua và triều đình rất chú ý, nhưng không thực hiện được. Ở quê nhà, ông giúp xây Nhà Chung ở Vinh (tức Tòa Giám Mục bây giờ) và ông đã từ trần ngày 22 tháng 11 năm 1871 vì bệnh, thọ 41 tuổi.

Với tuổi đời quá trẻ, với kiến thức không ai bì kịp, tài năng như thế, lòng yêu nước thiết tha như thế mà đành bỏ phí không được dùng. Tưởng cũng là điều đại bất hạnh cho dân tộc Việt Nam.

2.-Nguyễn Lộ Trạch, người bạn nổi chí của Nguyễn Trường Tộ

Rất ít sách vở nãi về Nguyễn Lộ Trạch, theo sự nghiên cứu của giáo sư Nguyễn Thanh Trang, ông Nguyễn Lộ Trạch sinh ngày 15-2-1853 tại Cam Lộ, Quảng Trị, quê quán làng Kế Mơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Ông là một trong 5 người con trai của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Oai, Thượng Thư Bộ Hình và là con rể của Tiến sĩ Trần Tiễn Thành, thượng thư Bộ Binh dưới triều vua Tự Đức. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Lộ Trạch đã nổi tiếng là một thanh niên hiếu học và thông minh xuất chúng. Ông học rộng, biết nhiều, nhưng không chịu theo đuổi con đường thường tình của thế nhân là cố gắng học hành đỗ đạt để ra làm quan, vinh thân phì gia. Ông là một người yêu nước, nhưng quá lý tưởng. Dưới con mắt của ông, cái học tử chương của các nhà Nho đã quá lỗi thời, về lẽ lỗi thì cử của triều đình nhà Nguyễn không đào tạo ra được những nhà trí thức kinh bang tế thế, dĩ khả năng giúp vua, cứu nước thoát khỏi nạn xâm lăng của thực dân Pháp. Ông đã bỏ ra rất nhiều thì giờ nghiên cứu tình hình tình hình quân sự và chính trị trên thế giới, đặc biệt là các nước Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Đức, Nga, Mỹ, Trung Hoa và Nhật Bản. Nhờ được tiếp cận với hai tủ sách dĩ nhiều sách quý của thân phụ và của nhạc phụ, Nguyễn Lộ Trạch đã đọc được nhiều sách vở, tài liệu khoa học, chính trị và lịch sử của nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ đã thu phục ông và thôi thúc ông hăng say học hỏi và tìm mọi cách giúp vua, cứu nước, theo gương nhà ái quốc Nguyễn Trường Tộ”.

(Trích “Sơ lược về làng Kế Mơn, tổ Kim Hồn Việt Nam và Thiên tài Nguyễn Lộ Trạch” bài của GS Nguyễn Thanh Trang đăng trong Đặc San Mùa Xuân 2009 do Lê Tộc Hải Ngoại xuất bản tại Cali từ trang 5 -9)

Bảy năm sau khi Nguyễn Trường Tộ qua đời, vào năm 1878, Nguyễn Lộ Trạch viết bản điều trần đầu tiên tựa đề “Thời Vụ Sách Thượng” (Kế sách đối với thời cuộc) lúc ông mới 25 tuổi. Ông đề nghị vua Tự Đức gấp rút canh tân đất nước và cải tổ quân đội để kịp thời đối phó với âm mưu thôn tính Việt Nam của thực dân Pháp. Trước áp lực của Pháp, năm 1874, triều đình Huế đã ký hồ ước nhường nốt 3 tỉnh miền Tây cho Pháp nhưng

tham vọng của Pháp cịn muốn tiến xa hơn, sẽ chiếm lươn xứ Bắc kỳ để tiện việc giao thương với Trung Hoa. Ông nhận thấy các quan trong triều quá nhu nh ược, đa số chủ trương nhượng bộ Pháp để cầu hĩa hoặc cầu viện Trung Hoa. Cả hai con đường đi đều bất lợi cho Việt Nam.

Cũng như Nguyễn Trường Tộ, ông chủ trương phải tự lực, tự cường, học hỏi những tiến bộ về khoa học kỹ thuật của Tây phương. Ông nhận định rằng Trung Quốc đang bị các cường quốc Âu Châu như Anh, Pháp, Phổ và Hồ Lan xâm xé, tự mình lo cho mình cịn chưa xong thì làm sao cịn cĩ thể giúp cho nước khác? Nhưng tình thế nước ta lúc đi đã quá trễ và vua quan nhà Nguyễn cũng không xoay xử được gì nên những lời tâm huyết của ông đã không được cứu xét.

Mười bốn năm sau, năm 1892, Nguyễn Lộ Trạch lại gửi bản điều trần thứ hai lên vua Thành Thái, cĩ tựa đề: “Thiên Hạ Đại Thế Luận”, cũng cịn cĩ tên là “Thời Vụ Sách Hạ”. Lúc bấy giờ người Pháp đã củng cố được nền cai trị vững mạnh từ Nam chí Bắc nên ông đã đưa ra nhận định: “Đại thế ngày nay không như trước nữa, ngày trước cĩ thể làm mà không làm, nay muốn làm gì thì làm không kịp”, vì thế ông đề nghị 5 điểm sau đây:

- Dời kinh đơ ra Thanh Hồ, dựa vào địa thế hiểm yếu để giữ vững gốc nước.
- Tăng gia sản xuất, tích lũy lúa gạo và lương thực để dự phịng chiến tranh.
- Tuyển dụng thêm và liên tục huấn luyện binh sĩ để sẵn sàng chiến đấu.
- Học hỏi kỹ thuật tân tiến trên thế giới để hiện đại hố vũ khí quân đội.
- Ngoại giao rộng rãi, nhất là với các cường quốc thù nghịch với nước Pháp để tạo thế liên minh và nhờ họ giúp đỡ.

Ông cho rằng: “Sự cịn mất của một quốc gia là do chính trị và giáo dục chứ không phải do mạnh yếu, lớn nhỏ”. So với Trung Hoa, Nhật Bản tuy là một nước nhỏ, nhưng tương lai sẽ là một cường quốc nhờ chủ trương đổi mới, duy tân của Minh Trị Thiên Hồng.

Năm 1931, khi Nhật đem quân chiếm Trung Hoa, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã viết một bài trên báo Tiếng Dân số 424 ra ngày 3-10-1931, cho rằng nhận định của Nguyễn Lộ Trạch 40 năm trước đây hõn tồn đúng “Điều tiên kiến của một học giả nước ta – nhân chuyện Trung-Nhật xung đột mà nhớ đến câu nũ trong một bài đại luận trước đây 40 năm”.

Theo Nguyễn Lộ Trạch, Trung Quốc và các nước nhược tiểu Á Châu là những miếng mồi ngon cho các đế quốc tranh dành nhau thơn tính. Vì chính trị và kinh tế cĩ liên quan mật thiết với nhau, do đi, vì quyền lợi kinh tế mà các nước Tây phương lươn lươn cĩ những mâu thuẫn với nhau nên chúng ta phải biết dựa nước này chống đỡ nước kia. Chính vì chúng ta không chịu học hỏi sự văn minh tiến bộ của các nước khác để kịp thời canh tân đất nước đã khiến cho ta suy yếu và mất nước về tay người Pháp.

(Phần bố tuc của BS Trần Tiễn Sum về Nguyễn Lộ Trạch:

BS Trần Tiễn Sum, định dõ Phụ Chính Trần Tiễn Thành, cho chúng tôi biết: cĩ 4 tài liệu sau đây liên quan đến Nguyễn Lộ Trạch:

(1)Nguyễn Lộ Trạch, điều trần và thơ văn.Mai Cao Chương và Đồn Lê Giang 1995

(2) Phong Trào DuyTân. Nguyễn Văn Xuân, 2000

(3) Đào Duy Anh (BAVH: Bulletin des Amis du Vieux Hué 4-6/1944)

(4) Việt sử khảo luận. Tập 7, tr.1364. Hồng Cơ Thụy, 1991

Ông Trần Tiễn Thành đã gả một trong những người con gái của ông tên Nhân, 17 tuổi cho Nguyễn Lộ Trạch, 20 tuổi, con của người bạn thân là Tiến sĩ Nguyễn Thành Oai (Uy). Ông Trạch nổi tiếng thương mình, kiến thức rộng nhờ đọc các sách ở nhà ông Trần Tiễn Thành trong dĩ cũ các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ và sách vở của Tây phương (dịch ra Hán văn). Ông là người không màng đến thi cử, công danh. Ông thường đem những kiến thức của mình ra nói chuyện với bạn bè. Người ta đã tặng cho ông cái tên “cậu ấm tàng tàng”. Ông Nguyễn Lộ Trạch và cơ Trần Thị Nhân ở với nhau được 8 năm, cũ 3 người con trai đều chết sớm nên sau cũ hai người ly dị vào năm 1880. Ông Trạch cưới thêm 4 bà vợ. Dù không cũn là con rể nữa, nhưng ông Trạch vẫn được ông Trần Tiễn Thành quý mến, xem như người nối cũ của Nguyễn Trường Tộ dù hai người không “sống cùng thời”. Ông Nguyễn Trường Tộ mất khi ông Nguyễn Lộ Trạch mới 18 tuổi! Năm 1877, lúc mới 25 tuổi, ông Nguyễn Lộ Trạch đã dâng lên vua Tự Đức bản điều trần đầu tiên “ thời vụ sách thượng”. Năm 1882, khi Hà Nội thất thủ, ông Trạch gửi bản điều trần thứ hai “Thời vụ sách hạ” bao gồm tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ và thêm một bản văn bàn về việc du học kỹ thuật và vận động chính trị. Khi ông Thành vận động vua Tự Đức cho ông Trạch đi học ở Hongkong, vào tháng 2/1882, vua bút phê “Nữ chuyện gì cao xa đến thế” (Ngờn hà quá tai!).

Sau khi ông Trần Tiễn Thành bị mưu sát, ông Nguyễn Lộ Trạch phải ẩn dật một thời gian. Nhân kỳ thi đình năm 1892 dưới triều vua Thành Thái, đề tài “Thiên hạ thế nhi dĩ hi”. Mặc dù không đi thi, nhưng ông Nguyễn Lộ Trạch cũ viết một bài “Thiên hạ đại thế luận” và tự phổ biến cho các sĩ tử thời cũ. Những vị tiến sĩ, phĩ bảng thời cũ như Nguyễn Thượng Hiền, Chu Mạnh Trinh, Vũ Phạm Hàm, Trương Gia Mơ đều cũ đọc bài của Nguyễn Lộ Trạch. Trên đường xuất ngoại tìm đường cứu nước cùng với Trương Gia Mơ, Nguyễn Lộ Trạch bị bệnh mất 1898. Năm 1903, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng đã được Nguyễn Thượng Hiền cho đọc bài “Thiên hạ đại thế luận” của Nguyễn Lộ Trạch và đều tỏ ra khâm phục. Bản văn bị thất lạc mãi đến 1932, mới được ông Huỳnh Thúc Káng viết lại theo trí nhớ và đã đăng trên báo Tiếng Dân ở Huế. Bản sao từ bản chữ Hán mãi đến 1983 mới chính thức được tìm thấy ở thư viện ban Hán Nôm của Đại học Sài Gịn).

3.-Ý Kiến Của Các Giáo Sư, Học Giả, Trí Thức...Về Nguyễn Trường Tộ

Gần suốt một thế kỷ nay, từ cụ Phan Bội Châu cho đến các học giả, trí thức bây giờ, tuy mỗi người một quan điểm, lập trường chính trị khác nhau (Quốc gia hay Cộng sản), dù không cùng một tôn giáo cũ nữa nhưng khi nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ, đa số vẫn cũ những nhận xét tương đồng: “ Nguyễn Trường Tộ là một người yêu nước và đi tiên phong trong chủ trương cải cách của Việt Nam vào thế kỷ thứ 19”.

Sau đây, chúng tôi xin trích lại một số ý kiến của các giáo sư, học gả, trí thức cũng như các nhân vật tên tuổi về Nguyễn Trường Tộ:

Cụ Phan Bội Châu trong “Việt Nam Quốc Sử Khảo” viết bằng Hán văn xuất bản tại Nhật năm 1908, Chương Thâu dịch ra tiếng Việt, nhà xuất bản Giáo Dục Hà Nội xuất bản năm 1962 nói rằng: “Nguyễn Trường Tộ là một trong những người đặt nền móng “khai hóa” trước tiên cho nước nhà”.

Tạp chí Nam Phong số 100 tháng 11 năm 1925 giới thiệu “Nguyễn Trường Tộ là một người yêu nước thương nòi” qua một bài điều trần đã được đăng trên báo cũ.

Năm 1941, ông Từ Ngọc Nguyễn Lân viết một cuốn sách dày 145 trang nhan đề “Nguyễn Trường Tộ” do Viễn Đệ, Huế xuất bản và năm 1942, Mai Lĩnh, Hà Nội tái bản, trình bày cuộc đời và tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ với lập trường đề cao ông là “Một người yêu nước, tiến bộ”.

Từ năm 1960-1961, qua tác phẩm “Nguyễn Trường Tộ Và Những Đề Nghị Cải Cách Của Ông” do Chương Thâu và Đặng Huy Vận và các bạn biên soạn, nhà xuất bản Giáo Dục Hà Nội xuất bản năm 1961, giới trí thức Miền Bắc dưới chế độ Cộng Sản đánh giá “Nguyễn Trường Tộ là người có tài trí và tâm huyết”.

Tại Miền Nam, sau năm 1954, các Tạp chí Văn Hóa Á Châu, Văn Đàn và nhóm Tinh Việt Văn Đoàn cũng đã nhiều lần đề cập đến Nguyễn Trường Tộ là “một người yêu nước chủ trương cải cách dưới thời vua Tự Đức”...

Trước 1975 con số những người nghiên cứu về Nguyễn Trường Tộ không phải là ít: - Lê Thuộc, Nguyễn Lân, Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, Cao Xuân Huy, Đặng Huy Vận, Chương Thâu, Thái Bạch, Văn Tân, Văn Tạo, Nguyễn Công Bình...Sau 1975, như Nguyễn Vĩnh Phúc, Trần Huy Bá, Đậu Xuân Mai, Trần Quốc Vượng, Giang Hà Vĩ, Thanh Đàm...Trương Bá Cần với tác phẩm “Nguyễn Trường Tộ, Con Người và Di Thảo” xuất bản năm 1988 sách dày 513 trang giấy khổ lớn có phần phụ lục 58 bản điều trần...Ngày 19-12-1991, nhân kỷ niệm năm thứ 120 Nguyễn Trường Tộ mất, Viện Khoa Học Xã Hội và Sở Văn Hóa TP/HCM đã tổ chức hội thảo với đề tài: “ Nguyễn Trường Tộ Với Vấn Đề Canh Tân Đất Nước”...đã có hơn 40 nhà nghiên cứu danh tiếng tham dự và đọc tham luận như: các bài tham luận của bà Nguyễn Thị Thanh Xuân (Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Hán Nôm), Phạm Thị Ly, Phạm Thị Hải, Trà Ngọc Anh, các học giả Trần Khuê, Lê Trí Viễn, Hồ Lê, Mai Quốc Liên, Trần Bạch Đằng, Lê Văn Sáu...đều nhìn nhận: “*Nguyễn Trường Tộ là một con người giàu tâm huyết đối với đất nước*”, “*con người yêu nước và chủ trương cải cách của thế kỷ XIX*”, “*Nguyễn Trường Tộ, nhà cải cách lớn của dân tộc*”, “*Nguyễn Trường Tộ có những cải cách lớn và mạnh dạn vượt hẳn trí thức thời bấy giờ như phê phán chính sách bế quan tỏa cảng của triều đình, đề xướng khai thông buôn bán, khuyến khích việc khai thác tài nguyên trong nước...*” (Hoàng Nam, Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử số 33, năm 1961, tr.13)

Phó Tiến Sĩ Hoàng Bình, Giáo sư Khoa Đông Nam Á Học, Trường Đại Học Bán Công TP/HCM:

“*Nguyễn Trường Tộ là một nhân vật lịch sử đã từng thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu từ nhiều năm nay. Đánh giá về ông có rất nhiều ý kiến ngược chiều nhau. Tuy vậy, đa số ý kiến đáng tin cậy vẫn nhìn nhận ông như là một trong những nhân vật tiên phong của phong trào canh tân nửa cuối thế kỷ XIX*” (Nhận xét về luận văn của sinh viên Trần Công Thuận: “Nguyễn Trường Tộ, Nhà Tư Tưởng Canh Tân Việt Nam Cuối Thế Kỷ XIX”)

Thuyết trình tại Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ (Paris) vào mùa Hè năm 1998, Giáo sư Lê Hữu Mục, với đề tài: “Nguyễn Trường Tộ: Kẻ Sĩ Nhập Cuộc” đã cho rằng : “*Nguyễn Trường Tộ là một giáo hữu rất thiết tha yêu nước*”, “*là một kẻ sĩ chống Pháp. Tư tưởng và hành động chống Pháp là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ cuộc đời của Nguyễn Trường Tộ*”. Giáo sư Lê Hữu Mục đã đưa ra nhận xét:

“*Trong lịch sử văn học Việt Nam, hai tác giả được nói đến nhiều nhất là Nguyễn Du và Nguyễn Trường Tộ, một người là thi sĩ, một đại thi sĩ càng đọc càng thấy hay, càng nhìn càng thấy sáng chói, một người là một nhà điều trần, một nhà điều trần độc đáo đến nỗi ngày nay từ điều trần đã được dành riêng để nói đến trước tác của ông*”.

Gần đây, trong một bài báo đăng trên Người Việt phát hành tại Westminster, California, Luật Sư Nguyễn Xuân Phước đã phân tích lý do tại sao “Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ” không được vua Tự Đức và triều đình nhà Nguyễn ủng hộ. Theo ông, các vua nhà Nguyễn sau Gia Long như Minh Mạng (1820-1840), Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883) đã chịu ảnh hưởng của phe Thanh Nho (khuyên hướng Nho học đời nhà Thanh). Chúng tôi xin phép trích vài đoạn quan trọng:

-“Vua cùng triều đình thân Trung Hoa, đã bắt đầu một nền chính trị cục bộ, thiên cận với chính sách bế môn tỏa cảng, đoạn tuyệt với Tây phương, ban hành lệnh cấm đạo.”

-“Do ảnh hưởng của Thanh Nho, triều đình nhà Nguyễn từ Minh Mạng trở đi chỉ chú trọng đến văn chương thi phú biên ngẫu, đi theo con đường trọng văn và xao lãng vấn đề quân sự và quốc phòng”

-“Đây là lý do, sau khi Gia Long băng hà, sức mạnh quân sự triều Nguyễn suy giảm hẳn. Khi các tướng lãnh thuộc thế hệ Gia Long qua đời, các tướng lãnh thế hệ kế thừa không đủ tài thao lược để thực hiện chính sách quốc phòng hữu hiệu”

-“Đến đời Tự Đức, xu hướng thân Trung Hoa hoàn toàn nắm trọn quyền trong triều đình. Xu hướng thân Trung Hoa trong triều đình đã không ngăn ngại bác bỏ bản điều trần canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ là một Nho sĩ theo đạo Thiên Chúa. Ông nổi tiếng thông minh và hay chữ, được người đời gọi là Trạng Tộ. Ông cũng thông thạo nhiều ngôn ngữ Tây phương. Ông làm thông ngôn cho các giáo sĩ Thiên Chúa trong việc truyền đạo tại Việt Nam. Sau một thời gian đi chu du khắp thế giới, đặc biệt là nước Pháp và Ý, ông trở về Việt Nam, để mấy năm trời đem tâm huyết của một người yêu nước viết nhiều bản điều trần để cải cách và canh tân đất nước, dâng lên vua Tự Đức. Nhưng triều đình Tự Đức với đầu óc cổ hủ của Thanh Nho, không đủ tầm nhìn để hiểu được những thế lớn đang bùng ra trong thiên hạ thời bấy giờ. Sau hoàng tử Cảnh 50 năm, Việt Nam đã mất đi cơ hội phát triển một lần nữa khi triều đình nhà Nguyễn quay mặt trước những yêu cầu canh tân của Nguyễn Trường Tộ”...

-“Cái nhục mất nước, tụt hậu của dân tộc Đại Việt ở thế kỷ XIX phát xuất từ nhiều yếu tố lịch sử khác nhau. Thế nhưng sự chọn lựa mô hình phát triển đất nước, sự ỷ dốc vào Thanh triều Trung Hoa trên mặt trận ngoại giao và văn hóa thời kỳ hậu Gia Long, chính sách bế môn tỏa cảng, và sự tin tưởng mù quáng vào giáo điều Thanh Nho, bất chấp các bản điều trần yêu cầu canh tân của các sĩ phu tiến bộ là những yếu tố quyết định đưa đất nước vào giai đoạn nô lệ”

(Trích Người Việt số 7157 ngày 12 tháng 7 năm 2005, bài “Nhân Ngày 30/4 của LS Nguyễn Xuân Phước)

Phụ Lục

Bản Điều Trần “Giáo Môn Luận” Của Nguyễn Trường Tộ

Các bản đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ gởi lên vua Tự Đức, chúng ta quen gọi là Bản Điều Trần. Có tất cả 58 bản điều trần nhưng trong đó có 04 bản quan trọng nhất:

-Điều Trần gởi lên vua Tự Đức ngày 29-03-1863 “Bàn Về Tự Do Tôn Giáo”

-Điều trần gởi lên vua Tự Đức ngày 13-05-1863 “Bài Trần Tình”

-Điều trần gởi lên vua Tự Đức ngày 18-07- 1864 “Kế Hoạch Làm Cho Dân Giàu Nước Mạnh”

-Điều trần gởi lên vua Tự Đức ngày 29-04-1871 “Bàn Về Cải cách Phong Tục”

Giáo Môn Luận (Bàn về Tự Do Tôn Giáo) ngày 11 tháng 2 năm Tự Đức thứ 16 tức 29 tháng 03 năm 1863. (nguyên văn chữ Hán, bản dịch tiếng Việt trích lại từ sách “Nguyễn Trường Tộ: Con Người Và Di Thảo” tác giả Trương Bá Cần, 1988)

Trộm nghĩ rằng cái đức lớn của trời đất là sự sống. Sống là gì? Là làm cho muôn vật đều được bảo toàn thiên tính của nó. Vì vậy mà trên trời có sao sáng mây đẹp thì cũng có gió lớn mưa to; dưới đất có lúa tươi thóc tốt thì cũng có cỏ xấu sâu độc. Tuy tốt xấu khác nhau nhưng đều được sinh nở không cái nào bị hại. Như vậy mới sáng tỏ cái đại toàn của trời đất. Chứ cái gì đẹp thì tô bồi, cái gì xấu thì dẹp bỏ, cái gì hay thì che chở, cái gì dở thì hủy hoại thì không làm sao thấy được cái vĩ đại, cái kỳ diệu của tạo vật. Vì sao lại nói như vậy? Bởi vì nếu trên đời này có ngọt mà không có đắng, người ta sẽ không biết vị ngọt là đáng yêu; có ấm mà không có lạnh, người ta sẽ không biết được cái thích thú của sự ấm áp; có trắng mà không có đen, trắng không thể tự một mình phô bày cái đẹp được; có hoa mà không có gai, hoa cũng không thể một mình tốt tươi được. Cho nên trời đất không vì tốt xấu mà phân biệt mưa sương, không vì văn minh dã man mà phân biệt sự che chở. Muôn vật sống chung đụng với nhau nhưng mỗi vật đều thuận theo tính của nó, hợp với cái dụng của nó, theo đường hướng của nó, đều tự thích nghi, thành hoại thông với nhau, tán mạn đặc thù đều quy về một mối, không bỏ một vật nào cũng không riêng tác thành cho một vật nào cả. Sờ dĩ trời đất vĩ đại là vì thế. Tại sao riêng loài người lại không như thế?

Vua đối với dân, xem bề ngoài tuy có tôn ty khác nhau, nhưng bề trong cũng cùng một lẽ sinh thành của tạo vật mà thôi. Tạo vật đối với muôn loài, các việc ăn nghỉ ham muốn đều được theo xu hướng của nó, không cưỡng ép phải làm khác đi cái điều nó yêu thích hay hòa đồng với cái điều nó không ưa. Vì vậy cho nên tuy sống chung lộn với nhau mà vẫn thành đại quan của vũ trụ, không có gì khác. Nếu như muôn loài phản lại cái đức hiếu sinh không chịu theo thiên tính tự nhiên mà đi tàn hại lẫn nhau, lấy lớn ngược đãi nhỏ, hợp nhỏ chống lại lớn thì chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt. Đó chẳng phải là điều tối kỵ của tạo vật hay sao?

Vua đối với dân là người thay trời mà chấn dặt, theo ý trời mà hành động. Dân sinh ở trên đời, tuy tiếng nói khác nhau, sự yêu chuộng khác nhau, kẻ xứ lạnh người xứ nóng khác nhau, đến hay đi, nghịch hay thuận, miễn sao biết trung hiếu là được cần gì phải câu nệ hình tích bên ngoài mà không xét đến cái gốc ở trong tâm, cưỡng ép phải giống nhau để gây ra rối loạn? Vì thế các bậc thánh vương sửa đổi luật pháp mà không thay đổi tập tục, sắp đặt việc chính trị mà không thay đổi cái gì vốn đã thích nghi cuộc sống. Tuy chương Vương chế trong KINH LỄ có nói bắt tả đạo, sách LUẬN NGŨ có nói chống dị đoan. Thế mà thiên hạ không biết bao nhiêu người đã bỏ Phật theo Lão, thánh vương cũng không nỡ cự tuyệt. Bởi vì ghét người ta cho lắm chỉ gây thêm mối loạn mà thôi, vả lại thánh vương cũng không dám làm tổn thương đến cái to tát bao dung của trời đất.

Phàm con người sinh ra trong trời đất, trung hiếu vốn là bản tính chứ không phải cái gì giả tạo từ bên ngoài gán vào. Ví cũng như nước lửa thuận theo thể của nó thì nước chảy vào chỗ trũng, lửa cháy nơi khô. Nếu có cái thể khác làm rối loạn không cho lửa bốc lên, nước chảy xuống, thì đó chỉ là tạm thời mất sự bình thường mà thôi, còn bản tính của nó vẫn không bao giờ mất. Dữ dân (1) cũng là người, ai lại không có lòng

trung hiếu? Sở dĩ phải tránh đi xa mà mong nhờ cứu giúp, gọi người khác bằng cha, gọi người khác bằng mẹ là vì thời cùng thế bức, cực chẳng đã phải tạm trốn tránh chứ đâu phải trong lòng muốn như vậy! Không thấy như con đối với cha mẹ đó sao? Hễ bị đòn nhỏ thì chịu, đòn lớn thì bỏ chạy là vì lợi hại thiết thân, không thể không được. Vì vậy sự thuận mệnh cũng có khi không thể làm được.

Xét ra đạo Công Giáo vào nước ta từ thời Lê. Trước tiên các giáo sĩ Bồ Đào Nha đến giảng đạo ở tỉnh Hưng Yên, tiếp đến có các giáo sĩ người Pháp, người Y Pha Nho đến, được nhiều người tin theo. Lúc bấy giờ giáo dân và những người trong ba đạo (Phật, Lão, Khổng) tuy tín ngưỡng khác nhau nhưng vẫn ân ái tiếp đón nhau, lễ nghĩa đối đãi nhau, năng lui tới với nhau không có gì hiềm nghi, đều là con dân của nước nhà mà thôi. Từ khi ban hành lệnh nghiêm cấm thì mới sinh ra ghen ghét kỳ thị nhau, do ghen ghét kỳ thị nhau mới sinh ra tội lệ. Từ đấy giáo dân bị phiền nhiễu đến nỗi phải lưu ly thất sở mà mắc vào vòng hình phạt. Nước vốn trong, có quấy lên mới bị đục, nếu ngừng thì chốc lát sẽ trong trở lại.

Giáo dân cũng là người trong nước, đều là người cả, cũng là dân của trời, sự ăn ở có liên quan nhau, vui buồn liên quan nhau. Lễ nào bên này động mà bên kia lại yên được sao? Một nước ví như một thân thể. Một chỗ bị đau thì toàn thân cũng không yên. Một cục thịt thừa, một ngón tay đeo thật hết sức vô dụng thế mà cắt bỏ đi thì đau, huống chi là tay chân hữu dụng! Trời đất đối với các hành tinh, một nước đối với dân chúng, sự liên quan lệ thuộc duy trì cũng một lẽ như nhau. Nếu trên trời có một hành tinh bị động, các hành tinh khác cũng nhân đó mà có chút biến đổi, huống chi dân là gốc của một nước, dân bị tao động lẽ nào nước không sinh họa loạn? Không thấy thượng đế là chúa tể cai trị các nước cũng như vua là chúa tể trị vì một nước đó sao? Các nước khác nhau rất xa về ngôn ngữ, phong tục và sự ưa chuộng, nhưng thượng đế cũng lấy một lẽ mà đối chung cả vạn vật khiến tất cả đều thuận theo trật tự, đều thỏa ý nguyện, không bắt tất cả phải giống hệt nhau. Có thể mới sáng tỏ cái tài năng lớn, cái uy quyền trọng và cái độ lượng rộng rãi. Trong một nước, tuy nhân dân có phân chia nhà cửa khác nhau, nhưng vua cũng chỉ lấy một quyền mà thống trị dân chúng, lấy một trí mà liên kết muôn dân, khiến dân tình đều được yên ổn, hành động tuy khác nhau nhưng đều lương thiện, chí hướng khác nhau nhưng đều đáng quý cả. Như thế thì chẳng những không tổn hại về mặt chính trị mà còn cho thấy cái tài khéo trong việc trị nước nữa.

Phàm có vạn vật không giống nhau thì gọi là giàu, không cái gì không chứa đựng được hết gọi là lớn, chồng chất thành đồng nhiều lớp mà không chống chọi nhau gọi là khéo, nhiều thế lực khác nhau, nhiều tính tình khác nhau mà hợp được làm một để sử dụng gọi là giỏi. Cho nên tạo vật nặn đúc ra không đồng một hình dạng, một khuôn khổ, một ngôi vị, một xứ sở mà sinh vô số hình thái khác nhau, phương hướng khác nhau để nhiếp trị. Thế mới thấy được cái giàu lớn khéo giỏi của tạo vật. Sở dĩ thượng đế chế trị đại địa cũng như con người ta lập các tôn giáo riêng, không bắt ép cái này phải nhập vào cái kia là vì có thâm ý trong đó.

Vua đang công việc giúp thượng đế không phải là vua có thể biệt lập một trời đất mà một mình cầm quyền được, chẳng qua chỉ là nhân các dân vật đã được thượng đế tạo thành an bài đó mà thương yêu làm cho an ổn, để thông suốt cái chí của thiên hạ, để soi thấu cái tình của muôn vật mà thôi. Như thế sao lại muốn chấn hưng hay tiêu diệt được để trái lại trời hay sao?

Từ xưa đến nay trên mặt đất lớn lao này có nhiều đạo khác nhau đã được thành lập ở nhiều nơi. Đạo Công giáo khởi từ Tiểu Tây, Hồi giáo khởi từ Thiên Phương (Ả Rập),

Phật giáo khởi từ Thiên Trúc (Ấn Độ), Tây tạng có Lạt Ma tọa sàng, Trung Quốc có Nho, Mặc, Trang, Lão. Phàm nơi nào có dấu chân người đặt đến thì các tôn giáo cũng theo người mà truyền vào. Hễ nước nào có thanh danh văn vật, xứ nào có giao thông trù mật thì người theo đạo đông đúc. Nước càng thịnh vượng thì tôn giáo càng nhiều. Nước đã man thì tôn giáo ít. Lấy tôn giáo nhiều hay ít mà xem nước ấy có hưng thịnh hay không thì thấy tôn giáo nhiều, nước càng hưng thịnh.

Tuy vua các nước tùy theo mỗi đời có sự ưa thích khác nhau, nhưng đầu tiên đạo giáo do một người truyền bá ra, kế tiếp theo có hàng nghìn vạn ức người phụ họa theo, và cũng có vạn ức người bài bác lại. Nhưng chưa từng thấy đạo nào vì được phụ họa mà chấn hưng được hết cả, hay bị bài bác mà bị tiêu diệt hết cả. Ngoài ra còn có các ngoại đạo ở các nước nhỏ, và các xứ ven biên không kể hết được, nhưng cũng chưa nghe nước nào vì đạo giáo nhiều mà phải mất nước. Quay ngược về xưa mà xem thì giặc Khăn Vàng (Hoàng Cân) vốn vì theo Lão Tử, loạn Hồ vốn bởi theo Mâu Ni. Ngoài ra như Hoàng giáo, Bạch giáo và các đồ đảng Đại Thanh, Từ Đoàn tụ tập quần chúng xướng loạn, mà cũng chưa từng nghe các triều đại ấy dùng hình pháp nghiêm khắc để tiêu diệt các tôn giáo ấy. Thực ra những tệ hại đó là do người làm ra mà thôi. Lý thuyết và lễ văn của các tôn giáo tuy có khác nhau, nhưng đem hết sách của các tôn giáo mà xem thì không tôn giáo nào không lấy trung hiếu làm gốc. Nếu không như thế thì người có lương tâm ai chịu tin theo.

Xưa nay những loạn thần tặc tử ai là người không đọc sách, ai là người không phục lời của Khổng Mạnh. Cớ sao lại trộm lấy cái trí năng của thánh hiền mà làm thân đạo tặc? Như thế là lỗi tại ai? Tại người hay tại tôn giáo? Nếu cứ ai đồng với mình thì dù tệ cũng bỏ qua, còn ai khác với mình thì chỉ trích khắt khe mà đổ cho giáo pháp ấy không tốt, thử hỏi công lý ở đâu?

Từ xưa đạo Công giáo đã phát hưng ở miền Tây phương Đông, miền Nam phương Bắc, miền Đông phương Tây, nhất thống toàn thịnh như Đại Tân, La Mã, tung hoành cát cứ như nước Mông Cổ và những nước rộng đến 5,6 nghìn dặm la liệt như sao trên trời, bày bố khắp như quân cờ, vua tướng ở các nước ấy quyền quý, thông minh, hùng hổ đều nổi dậy mưu hại giáo đồ. Hơn 300 năm nay, số giáo dân bị giết hại, thống kê số người có tên họ bị chôn ở nhà đá có đến trên mười triệu người; còn những người vô danh khác bị vùi lấp như kiến giáo dân ở Biên Hòa (của ta) thời không kể xiết. Lúc bấy giờ như ở hai nước Pháp, Ý Pha Nho, số giáo dân bị độc hại cũng hằng hà sa số. Nhưng giết một người thì có hàng ngàn người theo, giết mười người thì có vạn người theo thêm. Vua tướng các nước đã không tiêu diệt nổi đạo, mà trái lại được đạo cảm hóa. Vì sao vậy? Vì phàm vật gì có sức lớn mà lại có gốc nguồn thì càng bị quấy rối di động thì càng xuất hiện mãi mãi không cùng. Như nước với lửa, có ai có thể múc hết nước, dập tắt hết lửa?

Đạo Công giáo đã thịnh hành từ Đại Tây, Tiểu Tây rồi dần dần chuyển qua Đông Nam. Và đã 300 năm nay cũng bị các nước ở đây ngăn trở sát hại như ở phương Tây trước kia. Thế mà người theo đạo ngày càng đông. Theo thống kê ở Trung Quốc thời Minh đạo đã có hơn 60 vạn. Còn như người nước ta, Nhật Bản, Cao Ly, Miến Điện, Thiên Trúc, Ba Tư, Tây Tạng, Hung Nô, Lữ Tống và các đảo ở ngoài bể thì không kể trong số này. Càng cấm càng người theo càng đông là vì sao vậy? Vì rằng tạo vật quý trọng sự sống vô cùng, thường hay phù trợ những người bị mưu hại. Nếu không phù trợ mà còn giúp kẻ có thể lực được thỏa lòng sát nhân thì thiên hạ sẽ bị kẻ lớn mạnh nuốt hết, mà kẻ nhỏ bé sẽ không còn nòi giống nữa. Huống chi các vua thường nghiêm cấm đạo mà người truyền giáo thì vẫn tiếp nối nhau đời này sang đời khác không thôi. Tuy

hoặc có lúc hơi bị áp chế nên tạm ngừng, nhưng lúc ấy, chính là lúc cù cổ vun bồi để sẽ phát sinh thêm nữa. Ví như suối ở trên núi, nguồn suối càng sâu càng dài, thì nước tuôn ra càng xa càng mạnh. Như thế là những cái gì mà trời dung thì người không thể diệt được hết. Nếu như quả là trời dung mà người diệt thì lẽ nào tạo vật không có quyền lực để xử việc đó?

Giáo dân cũng do tạo vật sinh dưỡng và đạo giáo cũng do tạo vật bảo dưỡng, huống chi giáo dân cũng là một thành phần của nhân dân trong nước? Trong số đó nếu có kẻ bội nghịch chẳng qua cũng chỉ một phần nghìn phần trăm mà thôi, tại sao không minh xét, mà cứ đổ riết cho tất cả là nghịch? Do đó mới coi những người theo đạo vô luận lớn bé trẻ già, trung nịnh trí ngu đều đáng xua đuổi sát hại như chim non chuột thối. Nếu làm như thế mà hợp với lòng của tạo vật, thì tạo vật vốn là bậc cha mẹ của muôn loài sao không sớm tiêu diệt đạo ấy đi còn để truyền lan làm gì cho khắp thế giới phải sa hầm mắc bẫy? Chắc chắn không phải như vậy...

Nói tóm lại, bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình pháp không tha để cho đạo giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì bắt phải nhất tề, để làm tổn thương hòa khí? Kính mong đại nhân ra sức hồi thiên (2) đem lòng hiếu sinh bắc cầu cho kiến qua (3) để được cùng với trời đất góp phần ích dụng. Nói một tiếng khiến giáo dân được mang ơn một phần. Đó cũng là hợp với câu “đại đức viết sinh” (4) vậy. Xin dâng lời thô ngu, kính mong cao minh lượng xét.

Nguyễn Trường Tộ ký

Chú thích

(1) Dữu là cỏ xấu phá hại cây lúa. Thời Công giáo bị ngược đãi, trong khoảng từ Minh Mạng đến gần cuối Tự Đức, người Công giáo bị gọi là Dữu dân để phân biệt với lương dân.

(2) Hồi thiên: làm cho vua hồi tâm nghĩ lại. Tịch Trương Huyền khuyên can Đường Thái Tông bỏ việc tu bổ cung Lạc Dương. Người ta gọi Trương Huyền có sức hồi thiên. Đây có ý nói khuyên vua bỏ việc cấm đạo.

(3) Bắc cầu cho kiến qua (biên kiêu độ nghị) do tích Vương Tăng đời Tống bên Trung Quốc là một người đã từng đậu trạng nguyên làm Tế Tướng. Thuở nhỏ có hôm nhân đi qua một chỗ có nhiều tổ kiến bị nước ngập, ông bèn lấy cành tre bắc ngang làm cầu cho kiến bò qua khỏi chỗ nước chảy khỏi bị ngập chết trôi. Tác giả dẫn tích này cốt nói trẻ nhỏ mà có lòng nhân đức biết quý trọng sự sống. Vì vậy mà về sau trở thành một vị danh thần. Ý nói cứu được nhiều sinh linh.

(4) Câu “thiên địa chi đại đức viết sinh” nghĩa là đức lớn của trời đất là sự sống.